

CÔNG TY CP ILIFE VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ILIFE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ILIFE VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107899929

3. Ngày thành lập: 29/06/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 28, ngõ 973 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979722866

Fax:

Email: quynhtcnn02@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
2.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
3.	In ấn	1811
4.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
5.	Sao chép bản ghi các loại	1820
6.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại)	8299
8.	Xây dựng nhà các loại	4100

9.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan -Thiết kế kiến trúc công trình; -Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; -Thiết kế kết cấu công trình; -Thiết kế điện - cơ điện công trình; -Thiết kế cấp - thoát nước; -Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; -Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; -Thiết kế phòng cháy - chữa cháy. (Điều 48 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Kiểm định xây dựng (Điều 50 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng(Điều 60 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Thiết kế, Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 61 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng (Điều 66 Nghị định 59/2015/NĐ-CP)	7110(Chính)
10.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
11.	Xây dựng công trình công ích	4220
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
18.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
19.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
20.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
21.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
22.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
23.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
24.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
25.	Bán buôn gạo	4631
26.	Bán buôn thực phẩm	4632
27.	Bán buôn đồ uống	4633
28.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
29.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

31.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
32.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
33.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
34.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
35.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
36.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
37.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
38.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
39.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
40.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
41.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
42.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
43.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
44.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
46.	Xuất bản phần mềm	5820
47.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
48.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
49.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 Luật kinh doanh bất động sản 2014); Dịch vụ Sàn giao dịch bất động sản (Điều 69 Luật kinh doanh bất động sản 2014); Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản 2014); Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6820
50.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

51.	Quảng cáo	7310
52.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
53.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
54.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

6. Vốn điều lệ: 5.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 580.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯU VĂN QUANG	Thôn Tân Dân, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	174.000	1.740.000.000	30,000	111851380	
			Tổng số	174.000	1.740.000.000	30,000		
2	LƯU VĂN QUỲNH	Thôn Tân Dân, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	232.000	2.320.000.000	40,000	001080005407	
			Tổng số	232.000	2.320.000.000	40,000		
3	ĐẶNG MINH HẢI	Số 1, ngách 41/58, ngõ 41 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	174.000	1.740.000.000	30,000	001083001936	
			Tổng số	174.000	1.740.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LƯU VĂN QUỲNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/08/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001080005407

Ngày cấp: 05/03/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân Dân, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Tân Dân, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội